

Số: **14/2017/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **180/2017/TLST/HNGĐ**, ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 223/26/9, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: ông Đỗ Văn Đ sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 223/26/9, Khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: ông Đỗ Văn Đức, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đỗ Văn Đ.

- *Về con chung*: Giao 02(hai) con chung là Đỗ Thị Kim H, sinh ngày 02/5/1999 và Đỗ Thị Kim Q, sinh ngày 08/3/2004 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H, cháu Q đủ 18 tuổi. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà Thảo có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà T tự nguyện chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016688 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B; Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho bà T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKS nhân dân huyện B;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trương Thị Việt Nga